

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN**

- Thời gian: ½ ngày, ngày 12 tháng 5 năm 2023
- Địa điểm : Hội trường Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin
Khu Quang Trung - Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	7h30' - 8h00'	Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết	Ban tổ chức
2	8h00 - 8h10	- Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Giới thiệu chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ông Đỗ Văn Hinh
3	8h10- 8h20	Cử thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu đại hội.	Ông Nguyễn Trọng Tốt
		Biểu quyết thông qua đề cử thư ký Đại hội	
		Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội	
4	8h20 - 08h25	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Nguyễn Đại Dương Anh
5	8h25 - 8h40	- Trình bày Chương trình và Quy chế Đại hội.	Ông Đỗ Văn Hinh
		- Biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế Đại hội.	Ông Nguyễn Trọng Tốt
6	8h40 - 8h50	Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2023.	Ông Nguyễn Hải Long
7	8h50 - 9h00	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2022, phương hướng năm 2023.	Ông Đặng Văn Phôi
8	9h00 - 9h10	Báo cáo hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2023.	Ông Vương Quốc Hà
9	9h10- 9h30	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022. - Tờ trình về phương án phân chia lợi nhuận 2022 - Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm	Bà Bùi Thị Khánh Hà

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
		2022; đề xuất thù lao HĐQT, BKS năm 2023	
10	9h30 – 9h55	- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. - Báo cáo của BKS đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Giám đốc điều hành công ty năm 2022. - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.	Ông Lê Hồng Quang
	9h55 – 10h10	Đại hội nghỉ giải lao	
11	10h10-10h50	- Thảo luận về các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày tại Đại hội. - Biểu quyết các nội dung đã trình bày và thảo luận tại Đại hội	Ông Nguyễn Trọng Tốt
12	10h50- 11h00	Trình bày dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội
		Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ông Nguyễn Trọng Tốt
13	11h00	Bế mạc Đại hội.	Ông Nguyễn Trọng Tốt

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tốt

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ – VINACOMIN**

- Căn cứ Luật Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin diễn ra đúng quy định điều lệ và pháp luật quy định; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Nội dung Quy chế đảm bảo đúng nguyên tắc, không trái pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

2.1. Đối tượng: Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

2.2. Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít lớn hơn 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

(theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày **21/3/2023**) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;

2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “*Đại biểu*” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;

4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa đại hội cho phép;

5. Không hút thuốc trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Chủ tọa đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê- Vinacomin.

2. Nhiệm vụ của chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;

b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời hoặc điều hành các bộ phận liên quan trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6. Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Giúp chủ tọa kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);

b. Hỗ trợ công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của chủ tọa đến các Đại biểu khi được yêu cầu;

c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển chủ tọa quyết định;

d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;

đ. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện trên 50 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;

- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho chủ tọa điều hành;

- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở ý kiến thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề

1. Nguyên tắc:

- Mỗi Cổ đông tham dự Đại hội đều được cấp 01 thẻ biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung công khai trước Đại hội.

- Thẻ biểu quyết được Công ty in sẵn đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội. Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Hình thức, cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- Khi chủ tọa thực hiện việc lấy biểu quyết các nội dung cần xin ý kiến thông qua tại Đại hội. Các cổ đông giơ cao thẻ biểu quyết, hình thức này được dùng để thông qua các tất cả các vấn đề cần biểu quyết xin ý kiến tại Đại hội như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có).

- Cách thức biểu quyết giơ thẻ:

+ Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết; mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Đoàn Chủ tọa, đồng thời tích vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết.

+ Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.

+ Trường hợp đại biểu giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ.

Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý trên 50 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự

Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin và Luật Doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tốt

Số: /BC- CKMK

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2022
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Những thuận lợi, khó khăn.

1. Khó khăn.

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 làm gián đoạn công tác sản xuất kinh doanh của Công ty một số thời điểm trong năm. Trong 9 tháng đầu năm Công ty chủ yếu thực hiện việc cung cấp vật tư phụ tùng và sửa chữa nhỏ lẻ, một số bộ phận lao động còn thiếu việc làm.

Trong những tháng đầu năm giá vật tư đầu vào tăng đột biến làm cho giá thành sản xuất các sản phẩm tăng cao, dẫn đến việc cung cấp vật tư phụ tùng, thiết bị của Công ty không thực hiện được, công tác tiêu thụ sản phẩm giảm.

Công tác tiếp thị và tìm kiếm việc làm gặp nhiều khó khăn do phải cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ ngày càng gay gắt.

2. Thuận lợi.

Năm 2022 Công ty triển khai KH SXKD trong điều kiện ngành Than có nhiều thuận lợi, có những cơ chế, định hướng phát triển khối cơ khí TKV. Các đơn vị sản xuất than ưu tiên sử dụng vật tư, thiết bị của Công ty nên công tác tiêu thụ sản phẩm trong những tháng cuối năm có nhiều chuyển biến tích cực.

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ chuyên môn vững, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có tinh thần vượt khó.

Công ty có mặt bằng nhà xưởng rộng rãi, năng lực thiết bị đủ điều kiện nâng cao sản lượng, mở rộng sản xuất, các sản phẩm truyền thống được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, tiến độ cung cấp và hiệu quả sử dụng.

II. Kết quả thực hiện KHSXKD và Đầu tư năm 2022.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh.

- Doanh thu và thu nhập khác: 199.181 triệu đồng. = 104,8% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 2.551 triệu đồng. = 102,0 % kế hoạch.
- Lao động bình quân: 250 người. = 93,3 % kế hoạch.
- Tiền lương bình quân đạt: 8.779 đ/ng/thg. = 104,3 % kế hoạch.
- Thực hiện nộp ngân sách đầy đủ, đúng quy định.
- Cổ tức: Dự kiến 7 %.
- Thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.
- Đảm bảo an toàn về người, thiết bị và môi trường.
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động.
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong Công ty.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.

Để đạt được kết quả trên Công ty đã có nhiều giải pháp trong chỉ đạo và điều hành để đảm bảo thu nhập cho người lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó Công ty tranh thủ sự quan tâm của lãnh đạo Tập đoàn, các ban chuyên môn để kịp thời ứng phó dịch chuyển cơ cấu sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của các đơn vị trong TKV, tạo doanh thu, việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên do ảnh hưởng lớn từ giá cả vật tư tăng đột biến làm cho các đơn vị trong TKV khó khăn trong việc điều chỉnh giá mua sắm vật tư và thực hiện đầu tư, làm cho 6 tháng đầu năm Công ty còn thiếu việc làm.

2. Thực hiện KH đầu tư năm 2022.

Theo kế hoạch năm 2022 được hội đồng quản trị thông qua với tổng mức đầu tư là 4.450 triệu đồng. Bao gồm: Thực hiện công trình chuyển tiếp năm 2021 sang với giá trị 1.230 triệu đồng; Công trình khởi công mới năm 2022 với giá trị 3.220 triệu đồng.

* Kết quả thực hiện:

- Công trình chuyển tiếp.
 - + Hạng mục Đầu tư mua sắm hệ thống nung phôi trung tần (Thực hiện nguyên công bước 1). Đã thực hiện xong và đưa vào sử dụng trong tháng 3 năm 2022.
 - + Dự án: Đầu tư nâng cấp Hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ (Để thực hiện kết nối được trực liên thông văn bản nội bộ TKV). Đã thực hiện xong và đưa vào sử dụng trong tháng 12 năm 2022.

- Công trình khởi công mới năm 2022.

+ Hạng mục: Đầu tư mua sắm lò nung phôi trung tần (Thực hiện nguyên công bước 2). Đã thực hiện xong việc mua sắm, lắp đặt và đã đưa vào sử dụng tháng 12 năm 2022.

+ Hạng mục: Đầu tư mua sắm Máy tiện. Đã thực hiện xong việc tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tuy nhiên chính sách áp dụng Zero covid của Trung quốc làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp thiết bị của nhà thầu. Vì vậy Công ty phải chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Hạng mục: Đầu tư mua sắm Công trục 5 Tấn; sau khi rà soát kiểm tra việc huy động thiết bị, nhu cầu sử dụng và định hướng sản phẩm trong các năm tiếp theo, Công ty báo cáo và xin dừng không thực hiện đầu tư công trục 5 tấn để tập trung nguồn lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tổng giá trị thực hiện đầu tư năm 2022 đạt 2.170 triệu đồng, đạt 48,8 % theo kế hoạch năm.

Công tác đầu tư xây dựng năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã đề ra đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời đưa vào sản xuất để nâng cao hiệu quả đầu tư và phục vụ tốt cho việc sản xuất kinh doanh.

3. Nhận xét đánh giá chung.

Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu theo kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV và Nghị quyết của HĐQT giao.

Đảm bảo đầy đủ chế độ cho người lao động, ổn định việc làm và thu nhập, bảo toàn vốn của Tập đoàn và của cổ đông, đảm bảo an toàn trong sản xuất.

Những tồn tại cần khắc phục:

Công tác khác thác và tìm kiếm việc làm cho các tháng đầu năm còn hạn chế, Công ty thiếu việc làm. Khó khăn trong việc bố trí lao động, doanh thu, tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác vật tư có thời điểm còn chưa đáp ứng kịp thời cho sản xuất dẫn đến việc chậm giao hàng cho một số các hợp đồng làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý lao động chưa thường xuyên, vẫn còn hiện tượng người lao động vi phạm thời giờ làm việc.

Việc thực hiện kế hoạch đầu tư còn chậm làm ảnh hưởng chi phí cơ hội, hiệu quả đầu tư và không kịp thời phân bổ chi phí theo quy định.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2023.

Dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn diễn biến phức tạp, khó lường, làm ảnh hưởng đến KH và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

Giá nguyên vật liệu đầu vào cao, trong đó giá bán phải cạnh tranh với các đơn vị trong và ngoài ngành do tình trạng thiếu việc làm. Vì vậy đòi hỏi mỗi CNVC-LĐ Công ty phải nỗ lực cao hơn nữa để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Phương châm lãnh chỉ đạo: Duy trì sản xuất ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững. Tập trung nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới có tính ứng dụng và giá trị gia tăng cao; tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu và dịch chuyển cơ cấu sản phẩm sang những thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Thực hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh năm 2023.

*** Các chỉ tiêu chính.**

- Doanh thu: 195.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận: 2.600 triệu đồng.
- Lao động bình quân: 250 người.
- Tiền lương bình quân: 9.338 nghìn đồng/ người/ tháng.
- Cổ tức: Lớn hơn hoặc bằng 5% VĐL.
- Bảo toàn vốn.
- Đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và môi trường.
- Ổn định việc làm, thu nhập.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao văn hóa, tinh thần cho NLĐ.
- Đoàn kết nội bộ, giữ vững truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, phát huy hơn nữa các thành tích mà Công ty đã đạt được.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư của năm 2023 được hội đồng quản trị thông qua với tổng mức là 10.634 triệu đồng, cụ thể
 - + Thực hiện trả nợ khối lượng năm trước: Giá trị: 1.087 triệu đồng.
 - + Thực hiện dự án chuyển tiếp năm 2022 sang 2023: 1.370 triệu đồng.

+ Thực hiện dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2022- 2023: 2.800 triệu đồng.

+ Khởi công mới dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2023: 5.377 triệu đồng.

*** Mục tiêu và giải pháp năm 2023.**

- Mục tiêu.

Tiếp tục xây dựng Công ty Cổ phần Cơ khí Mạ Khê -Vinacomin cơ bản thành đơn vị cơ khí chủ lực của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, đảm bảo được lợi nhuận, thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

Đầu tư xây dựng và phát triển với công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, cạnh tranh bình đẳng trong hội nhập quốc tế; đội ngũ lao động chuyên nghiệp, kỷ luật và đồng tâm, chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm cơ khí, đáp ứng nhu cầu sản phẩm cơ khí của thị trường trong TKV.

- Giải pháp.

Bám sát vào kế hoạch, định hướng, chiến lược phát triển Công ty trong thời gian tới để thực hiện tốt các nhiệm vụ Tập đoàn giao đảm bảo tiến độ, chất lượng và phát huy được hiệu quả SXKD.

Tiếp tục thực hiện dịch chuyển cơ cấu từ sản phẩm truyền thống dần sang các thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa có giá trị gia tăng cao, kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết bị của các đơn vị trong TKV. Đặc biệt quan tâm đến chế tạo các thiết bị đồng bộ phục vụ cơ giới hóa và tự động hóa trong khai thác hầm lò như: Máy cào cơ giới hóa, máy cào năng suất cao, giàn chống mềm, chống khảm, giá khung các loại...

Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, thiết bị chuyên dùng, dụng cụ chuyên sâu trong việc kiểm tra để tạo sự chuyên môn hóa cao trong quá trình sản xuất

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực mà Công ty cần, tạo điều kiện và hỗ trợ tốt cho các kỹ sư kỹ thuật của Công ty để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

Cân đối nhu cầu nguồn vốn đảm bảo tương ứng với mức tăng trưởng trong SXKD và giá cả vật tư thị trường đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

Tiếp tục rà soát các loại vật tư ứ đọng chậm luân chuyển để đưa vào sản xuất. Sử dụng và dự phòng vật tư hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác quyết toán sản phẩm, thu hồi công nợ.

Kính thưa các Quý vị khách quý; Quý vị đại biểu/

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm qua, với truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê-Vinacomin sẽ quyết tâm thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu SXKD năm 2023; Xây dựng Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê phát triển bền vững.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Long

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-CKMK

Đông Triều, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin báo cáo Đại hội cổ đông kết quả hoạt động năm 2022 như sau:

I. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022:

1. Công tác quản trị về cơ cấu HĐQT:

Số lượng thành viên HĐQT gồm 5 thành viên:

- Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tịch HĐQT- Người ĐD phần vốn của TKV.
- Ông Nguyễn Hải Long - Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành.
- Ông Đặng Văn Phối - Thành viên HĐQT- TrL Giám đốc.
- Ông Vương Quốc Hà - Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc.
- Ông Đỗ Văn Hình - Thành viên HĐQT- Chủ tịch công đoàn.

*Trong 05 thành viên HĐQT có:

- 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành của Công ty.
- 01 là thành viên kiêm nhiệm chức vụ làm công tác Đảng, Đoàn thể.
- 01 là thành viên HĐQT không điều hành.

Để HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời, có cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, ngày 09/5/2018 Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định số 410/QĐ-CKMK đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên; ngày 21/12/2021, HĐQT Công ty cổ phần Cơ Khí Mạo Khê Vinacomin đã ban hành chương trình, kế hoạch số 127/CTr- CKMK về chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022 để giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2022 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

2. Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Năm 2022, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đã bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, duy trì các cuộc họp thường kỳ hàng quý đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp đối với những vấn đề quan trọng của Công ty.

HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất tổng số là 11 phiên họp, các cuộc họp HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐH đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Thông qua quyết toán thù lao, tiền lương năm 2020 đối với người đại diện của TKV tại Công ty.
- Thông qua ủy quyền vay vốn SXKD năm 2022.
- Thông qua đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
- Thông qua kết quả SXKD tháng 3, quý 1 và các giải pháp điều hành SXKD năm 2022.
- Thông qua nội dung các tài liệu dự thảo đại hội đồng Cổ Đông.
- Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ.
- Thông qua định mức tín dụng ngắn bình quân và một số hệ số tài chính của Công ty năm 2022.
- Thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022.
- Phê duyệt quy chế quản lý cán bộ của Công ty.
- Thông qua phương án, chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Giám Đốc Công ty.
- Thông qua kết quả SXKD 10 tháng năm 2022, dự kiến thực hiện SXKD tháng 11, 12 năm 2022 của Công ty.
- Chấp thuận giao dịch, ký kết hợp đồng với các tổ chức liên quan.
- Phê duyệt quyết toán thù lao, tiền thưởng năm 2021 của người đại diện của TKV tại Công ty và Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm Soát năm 2023.
- Thông qua kết quả thực hiện khoán chi phí năm 2022, các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2023.

Mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong lĩnh vực quản lý của Công ty đã ban hành làm cơ sở điều hành trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc và cán bộ điều hành công ty:

Giám đốc điều hành Công ty đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ

đồng, các nghị quyết của HĐQT Công ty và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam.

Thực hiện điều hành Công ty được nề nếp và liên tục, HĐQT đã kịp thời họp và ra nghị quyết điều chỉnh nhiệm vụ các chức danh các thành viên Hội đồng quản trị khi có sự thay đổi nhân sự và thông qua để Giám đốc điều hành tổ chức phòng ban, phân xưởng và cán bộ quản đốc, trưởng phòng theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Ban giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người và có sự điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD. Nhiệm vụ của từng người đã được HĐQT theo dõi giám sát, nhắc nhở thường xuyên và nhận xét đánh giá cuối năm lưu hồ sơ cán bộ.

Tuy nhiên trong năm, Ban giám đốc thực hiện chưa triệt để một số nội dung theo Nghị quyết HĐQT về công tác xử lý tài chính, nợ quá hạn và công tác huy động vốn.

4. Công tác giám sát chỉ đạo sản xuất, bảo toàn và phát triển vốn:

Năm 2022, HĐQT đã chủ động nắm bắt diễn biến của thị trường, đặc biệt là thị trường trong ngành Than - KS Việt Nam và có các nghị quyết phù hợp để Ban giám đốc phát huy được năng lực điều hành, có điều chỉnh kịp thời để điều hành hoạt động SXKD đạt được các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn Công nghiệp Than- KS Việt Nam với các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/ KH (%)
	1	2	3	4	5 (4/3)
1	Doanh thu + TN khác	Triệu đồng	190.000	199.181	104,8
2	Lao động bình quân	Người	268	250	93,3
3	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng/th	8.416	8.779	104,3
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.500	2.551	102
5	Nộp ngân sách NN	%	100%	100%	

- Lợi nhuận còn lại sau thuế để chờ trích lập các quỹ, trả cổ tức: 1.565 trđ.
- Quản lý vốn: Đã đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty, đảm bảo vốn cho Công ty hoạt động và vốn cho xây dựng cơ bản.
- Vốn Điều lệ: Không có sự thay đổi trong năm.
- Vốn Điều lệ tại thời điểm 01/01/2022: 14.325.780.000đồng.
- Vốn Điều lệ cuối kỳ 31/12/2022 : 14.325.780.000đồng.

* Tổng tài sản:

Số tính đến 31/12/2022: 167.442.849.570 đồng.

5. Công tác đầu tư XDCB:

Năm 2022, Công ty đã triển khai thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch năm 2022 điều chỉnh: Tổng giá trị phải thực hiện theo năm kế hoạch là 4.450Tr. đồng, Bao gồm:

- Công trình chuyển tiếp: 02 dự án có giá trị thực hiện là 970 Tr. đồng.

+ Dự án đầu tư nâng cấp Hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ đã thực hiện với giá trị hoàn thành là 120/120 Tr.đồng.

+ Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2018: Hạng mục mua sắm hệ thống nung phôi trung tần đã thực hiện với giá trị hoàn thành là 850/850 Triệu Đồng.

- Công trình khởi công mới: 01 dự có tổng mức đầu tư là 3.220 Tr.đồng.

+ Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2021: Hạng mục mua sắm hệ thống nung phôi trung tần (thực hiện bước 2) đã thực hiện với giá trị hoàn thành là 1.000/1.000 Tr.Đồng.

+ Đối với hạng mục 01 Máy tiện: 1.270 Tr.đồng: Phải chuyển tiếp thực hiện sang năm 2023.

(Tháng 11/2022 Công ty đã ký hợp đồng với nhà thầu cung cấp thiết bị với tiến độ thực hiện hợp đồng xong trước ngày 31/12/2022. Tuy nhiên đến thời điểm đầu tháng 12/2022 Nhà thầu đã có văn bản thông báo không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng với lý do nhà máy sản xuất thiết bị đang bị phong tỏa do COVID-19 và đề nghị xin được gia hạn hợp đồng sang đầu năm 2023.

+ Đối với hạng mục 01 Công trục 5 Tấn: 700 Tr.đồng: Hiện tại Công ty chưa có nhu cầu sử dụng nên Công ty đã đề nghị tạm dừng không thực hiện cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Công tác chuẩn bị dự án:

+ Trong năm 2022 Công ty đã triển khai thực hiện công tác chuẩn bị dự án cho dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 với tổng mức đầu tư là 2.850 Tr. đồng, tuy nhiên chưa thực hiện được nên phải thực hiện chuyển tiếp sang năm 2023.

+ Đối với hạng mục Hệ thống PCCC, năm 2022 Công ty đã triển khai thực hiện thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế để trình duyệt cơ quan Cảnh sát PCCC tỉnh Quảng Ninh nhưng do có 01 nhà xưởng trước đây được xây dựng liền kề với 01 nhà xưởng xây dựng hình thành trước Luật PCCC (trước năm 2001) nên phải điều chỉnh lại hồ sơ thiết kế và bổ sung hồ sơ quy hoạch tỷ lệ 1/500 của hồ sơ đất nên chưa thẩm duyệt được do đó ảnh hưởng đến tiến độ chung cho cả dự án. Giá trị đã thực hiện là 50/260 Tr. đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư cả năm 2022 của Công ty giá trị thực hiện là 2.170/4.450 Tr.đồng đạt 48,8% kế hoạch.

Công ty tiếp tục nghiên cứu xem xét lựa chọn chủng loại thiết bị công nghệ phù hợp thị trường, năng lực của Công ty để đầu tư có hiệu quả hơn. Công tác đầu tư xây dựng năm 2022 được triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của HĐQT, các công trình, hạng mục đầu tư thực hiện, phù hợp với điều kiện của Công ty.

II. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023:

- Tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất; Đổi mới công nghệ chế tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm đặc biệt các sản chủ lực của Công ty.

- Tăng cường công tác quản trị chi phí.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu mở rộng thị trường trong và ngoài tập đoàn TKV; đặc biệt quan tâm đến công tác nghiên cứu cải tiến công nghệ; phát triển sản phẩm mới; tiếp tục hoàn thiện thiết kế, cải tiến công nghệ chế tạo các sản phẩm mới như giàn chống mềm GM25/35(30/40); Giàn chống tăng cường ngã ba chân chợ; Giá chống ZH1600; ZH1800 đảm bảo chất lượng, nâng cao năng suất lao động để giảm giá thành sản phẩm tăng sức cạnh tranh cho Công ty; Duy trì chế tạo, sửa chữa toa xe 30 tấn; Máng cào cỡ lớn đi theo Compai; Cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm hệ thống sàng tuyển chế biến than và khoáng sản; Các sản phẩm truyền thống cho các đơn vị trong và ngoài TKV.

Mục tiêu của HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn TKV hàng năm: Thu nhập bình quân của người lao động ổn định; bảo toàn và phát triển vốn; sản xuất kinh doanh có lãi; đẩy mạnh đầu tư các dự án trọng điểm nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Trên đây là kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 và một số định hướng trong năm 2023; để đạt được những kết quả như vậy là sự phấn đấu không ngừng của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và các phòng ban, phân xưởng trong công ty cùng sự ủng hộ nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo Tập đoàn và các Quý cổ đông trong công ty.

Trong năm 2023, chúng tôi mong tiếp tục được sự đóng góp của các quý vị cổ đông để HĐQT công ty hoạt động tốt hơn, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Người UQCBTT;
- UBCKNN; Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TK; Hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Tốt

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2022

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	21/NQ-CKMK	27/01/2022	Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	100
2	22/NQ-CKMK	27/01/2022	1. Thông qua quyết toán thù lao, tiền thưởng năm 2020 đối với người đại diện của TKV tại Công ty	100
3	23/NQ-CKMK	31/3/2022	1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh tháng 3, quý 1 và các giải pháp điều hành SXKD năm 2022 2. Thông qua định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số hệ số tài chính của Công ty năm 2022. 3. Thông qua nội dung dự thảo các tài liệu Đại hội đồng cổ đông. 4. Thông qua quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty. 5. Thông qua việc bổ sung bảng lương chuyên gia vào hệ thống thang bảng lương Công ty	
4	24/NQ-CKMK	31/3/2022	Thông qua ủy quyền vay vốn SXKD năm 2022	100
5	25/NQ-CKMK	16/4/2022	Rà soát và thống nhất triển khai thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 20/4/2022 như chương trình, kế hoạch	100
6	27/NQ-CKMK	06/7/2022	Thông qua việc Bổ nhiệm lại cán bộ	100
7	28/NQ-CKMK	06/7/2022	1. Xem xét và cho ý kiến về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD tháng 6, 6 tháng, kế hoạch tháng 7, quý III năm 2022. 2. Rà soát kết quả đánh giá người đại diện của TKV năm 2021.	100

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
			3. Xem xét kết quả rà soát văn bản nội bộ của Công ty.	
8	29/NQ-CKMK	24/8/2022	<p>1. Thông qua kq thực hiện SXKD 7 tháng, dự kiến thực hiện tháng 8, quý III năm 2022; triển khai các văn bản quản lý của TKV.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt Thang bảng lương của Công ty.</p> <p>3. Ý kiến của HĐQT Công ty về một số nội dung trình của Công ty.</p>	100
9	30/NQ-CKMK	06/9/2022	Thống nhất thông qua bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty	100
10	31/NQ-CKMK	19/2022	<p>1. Xem xét Quy chế q.lý đầu tư Công ty</p> <p>2. Xem xét Quy chế q.lý cán bộ Công ty</p>	100
11	32/NQ-CKMK	10/10/2022	Phê duyệt Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 điều chỉnh của Công ty.	100
12	33/NQ-CKMK	03/11/2022	<p>1. Thông qua kết quả SXKD 10 tháng đầu năm 2022, dự kiến thực hiện SXKD tháng 11, 12 năm 2022 của Công ty và các mặt quản lý khác;</p> <p>2. Về sửa đổi bổ sung thang bảng lương của Công ty.</p> <p>3. Phê duyệt Quy chế cán bộ của Công ty.</p> <p>4. thông qua đơn vị đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.</p> <p>5. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ.</p> <p>6. Trình xin chủ trương bổ nhiệm phó Giám đốc Công ty</p>	100

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
13	34/NQ-CKMK	16/11/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ. 2. Triển khai một số công tác quản lý và các văn bản của TKV. 	100
14	35/NQ-CKMK	16/11/2022	Thông qua Phương án, chủ trương bổ nhiệm 01 phó giám đốc.	100
15	36/NQ-CKMK	29/12/2022	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phê duyệt QĐ thi hành kỷ luật cán bộ 2. Thông qua Chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023. 3. Phê duyệt quyết toán thù lao, tiền thưởng năm 2021 của người đại diện của TKV tại Công ty và Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 4. Thông qua kết quả thực hiện khoản chi phí năm 2022, các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023. 5. Thông qua Dự thảo Quy chế tài chính 	100

Số /BC-CKMK

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty
với doanh nghiệp và người có liên quan trong năm 2023

Kính gửi:

- Các Quý vị cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cơ Khí Mạo Khê - Vinacomin

Căn cứ điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông của Công ty về kết quả các giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và Người có liên quan trong năm 2022. Đồng thời đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với những doanh nghiệp có người liên quan trong năm 2023 như sau:

1. Báo cáo kết quả về các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những người có liên quan năm 2022:

Trong năm 2022, Công ty có các hợp đồng, giao dịch với các công ty là đơn vị thành viên của Công ty mẹ, các đơn vị cùng công ty mẹ, đơn vị có thu của công ty mẹ về các lĩnh vực : chế tạo, sửa chữa các sản phẩm cơ khí. Tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan như sau:

ĐVT : đồng		
STT	Tên Công ty	Số tiền
1	Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin	4.030.869.200
2	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	18.578.760.289
3	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	1.318.350.000
4	Công ty Than Uông Bí - TKV	12.372.304.476
5	Công ty Than Khe Chàm - TKV	6.655.160.003
6	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	22.064.977.642
7	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	559.911.000
8	Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	10.614.628.075
9	Công ty Than Mạo Khê - TKV	25.776.014.477
10	Công ty Than Hạ Long - TKV	5.663.578.000

11	Công ty Xây lắp mỏ - TKV	756.173.000
12	Công ty Than Quang Hanh - TKV	14.369.129.262
13	Công ty Than Dương Huy - TKV	5.820.892.000
14	Công ty Than Hòn Gai - TKV	19.328.053.000
15	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	11.492.947.541
16	Công ty Than Thống Nhất - TKV	12.810.896.195
17	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	2.057.610.500
18	Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	162.222.500
19	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	2.734.103.674
20	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	1.976.969.359
21	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	3.221.161.389
22	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	12.807.720.000
23	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	1.351.240
24	Viện Cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	162.222.500
	Cộng	195.173.982.822

Trong đó có các hợp đồng, giao dịch với các công ty có người liên quan là thành viên HĐQT của cả 03 Công ty sau : Công ty CP Than Hà Lâm – Vinacomin, Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin, Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin.

Ngoài ra Công ty còn có hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ với các Công ty trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam với tổng giá trị là : 8.568.514.061 đồng về các lĩnh vực giao dịch, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, khám sức khỏe, đào tạo, kiểm định.

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua các giao dịch giữa Công ty với cổ đông lớn và những người có liên quan năm 2023 như sau:

Hiện nay ông Nguyễn Trọng Tốt – Thành viên ban Quản lý vốn của TKV là Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty hiện đang tham gia vào HĐQT và giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty; đồng thời Ông Nguyễn Trọng Tốt còn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của 04 Công ty đó là : (i) Công ty CP Than Hà Lâm – Vinacomin; (ii) Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin, Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin.

Như vậy, ngoài các đơn vị trực thuộc TKV có liên quan, một số đơn vị nêu trên đều có quan hệ hợp đồng kinh tế vì cùng trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và có cùng Người liên quan. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và khoản 3 điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán” và Điều 15 – Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ Khí Mạo Khê – Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2021.

Hội đồng quản trị đề nghị các quý cổ đông xem xét thông qua chủ trương để Công ty ký và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

S T T	Tên doanh nghiệp/ Người có liên quan	Địa chỉ, MST	Lĩnh vực giao kết	Giá trị ký hợp đồng, giao dịch
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Các công ty trực thuộc TKV, các Công ty CP do TKV nắm cổ phần chi phối.	Số 226 – Lê Duẩn, Đống Đa-Hà Nội MST: 5700100256	Theo danh mục ngành nghề kinh doanh trong giấy phép kinh doanh của các Công ty	Giá trị của các hợp đồng và giao dịch từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong BCTC tại thời điểm gần nhất
2	Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Cơ Khí Mạo Khê là Chủ tịch Công ty)	Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh MST: 5700101877	Như mục 1	Như mục 1
3	Công ty CP Than Hà Lâm – Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Cơ Khí Mạo Khê là Chủ tịch Công ty)	Phường Hà Lâm, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh MST: 5700101637	Như mục 1	Như mục 1
4	Công ty CP Than Đèo Nai – Vinacomin (Chủ tịch HĐQT Cơ khí Mạo Khê là Chủ tịch Công ty)	Phường Cẩm Tây- TP Cẩm Phá-Tỉnh Quảng Ninh MST : 5700101299	Như mục 1	Như mục 1

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị các Quý cổ đông của Công ty xem xét thông qua và giao cho Giám đốc điều hành Công ty ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các doanh nghiệp và Người có liên quan trên theo đúng quy định của Pháp luật. Thời gian thực hiện các hợp đồng, giao dịch kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến khi có thay đổi khác.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin trân trọng đề nghị Đại hội đồng cổ đông của Công ty xem xét thông qua nội dung trên để Công ty thực hiện theo Quy định./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS
- Website Công ty
- Lưu: VT, HĐQT

Nguyễn Trọng Tốt

Số: /BC-HĐQT

Mạo Khê, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ Nghị quyết họp HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê-Vinacomin, số 45/NQ-CKMK ngày 18/4/2023; Công văn số 1631/TKV-KS ngày 13/4/2023 của Tập đoàn CN Than- KS Việt Nam V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Công ty CP Cơ khí Mạo Khê- Vinacomin báo cáo ĐHCĐ về tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán và phát hành kết quả tại báo cáo kiểm toán BCTC số: 200323.029/BCTC.QN ngày 20 tháng 03 năm 2023.

Phần thứ nhất
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	139.375.960.064	135.825.652.967
1	- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.349.278.898	1.603.407.326
2	- Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	- Các khoản phải thu ngắn hạn	91.129.568.037	82.910.666.836
4	- Hàng tồn kho	42.353.738.419	50.872.430.703
5	- Tài sản ngắn hạn khác	543.374.710	439.148.102
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	28.066.889.506	28.062.080.713
1	- Các khoản phải thu dài hạn		
2	- Tài sản cố định	26.737.760.490	26.117.332.637
3	- Tài sản dở dang dài hạn	137.491.634	
4	- Tài sản dài hạn khác	1.191.637.382	1.944.748.076
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	167.442.849.570	163.887.733.680
III	NỢ PHẢI TRẢ	145.659.942.305	148.048.570.283
1	- Nợ ngắn hạn	144.617.181.237	144.769.969.988
2	- Nợ dài hạn	1.042.761.068	3.278.600.295
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	21.782.907.265	15.839.163.397

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	Vốn chủ sở hữu	19.500.751.939	19.688.048.467
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.325.780.000	14.325.780.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Quỹ đầu tư phát triển	3.609.637.505	3.609.637.505
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.565.334.434	1.752.630.962
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2.282.155.326	(3.848.885.070)
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp	(1.242.768.896)	(3.848.885.070)
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	3.524.924.222	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	167.442.849.570	163.887.733.680

Phần thứ hai
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	198.501.398.525	189.319.041.815
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần (10 = 01-02)	198.501.398.525	189.319.041.815
4- Giá vốn hàng bán	172.402.619.832	163.456.250.914
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	26.098.778.693	25.862.790.901
6- Doanh thu hoạt động tài chính	15.234.865	5.185.954
7- Chi phí tài chính	5.952.627.557	6.168.556.379
- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.952.627.557	6.168.556.379
8- Chi phí bán hàng	2.500.604.492	2.437.968.324
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.019.053.794	14.948.660.815
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	2.641.727.715	2.312.791.337
11- Thu nhập khác	664.047.826	70.509.055
12- Chi phí khác	755.001.634	131.628.190
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	(90.953.808)	(61.119.135)
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	2.550.773.907	2.251.672.202
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	985.439.473	499.041.240
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	1.565.334.434	1.752.630.962
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.093	1.223

Phần thứ ba
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	16,76	17,12
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	83,24	82,88
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	86,99	90,34
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	13,01	9,66
3	Khả năng thanh toán (lần)		
	- Khả năng thanh toán hiện thời	0,96	0,94
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,67	0,59
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,01	0,01
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,93	1,07
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	8,73	9,77
5	Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)	7,47	7,52

Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ Khí Mạo Khê - Vinacomin báo cáo đại hội./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV (CBTT, và đăng trên Website);
- Lưu: Hồ sơ đại hội.

THÀNH VIÊN HĐQT
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Long

Số: /TTr- CKMK

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết họp HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê- Vinacomin, số 45/NQ-CKMK ngày 18/4/2023; Công văn số 1631/TKV-KS ngày 13/4/2023 của Tập đoàn CN Than- KS Việt Nam V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
I	Lợi nhuận trước thuế:	2.550.773.907
1	Trích nộp thuế TNDN	985.439.473
II	Lợi nhuận sau thuế:	1.565.334.434
1	Trả cổ tức: 7% vốn điều lệ	1.002.804.600
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trả cổ tức :	562.529.834
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty (≤ 0 tháng lương thực hiện của Người quản lý năm 2022)	0
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ($\leq 0,26$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2022)	562.529.834
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	562.529.834

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- UBCKNN và Sở GDCKHN;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc; Kế toán trưởng;
- Lưu: VP, TK, Hồ sơ đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Tốt

Số: /BC-CKMK

Quảng ninh, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Về việc chi trả thù lao, tiền lương
của HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2022 và dự kiến năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022;

Căn cứ kết quả SXKD và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT, thành viên BKS và viên chức quản lý Công ty;

Căn cứ Nghị quyết họp HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin, số 45/NQ-CKMK ngày 18/4/2023; Công văn số 1631/TKV-KS ngày 13/4/2023 của Tập đoàn CN Than- KS Việt Nam V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc thực hiện chi trả tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS và các viên chức quản lý như sau:

1. Chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, kế toán trưởng Công ty năm 2022:

DVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	271,92		271,92	Kiểm nhiệm
2	Thành viên BKS	2	96,0		96,0	Kiểm nhiệm
3	Trưởng BKS	1	330	330		Chuyên trách
4	Người quản lý (01 GD, 01 PGD, 01 KTT)	3	767	767		GD, PGD kiểm thành viên HĐQT
Tổng số			1.464,92	1097	367,92	

2. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS và tiền lương người quản lý năm 2023:

Căn cứ Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ- TKV ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV. Theo đó mức tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách.

Căn cứ kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2023 giữa Tập đoàn với Công ty tại Công văn số 79/TKV-KH ngày 10/01/2023 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Căn cứ tình hình thực tế SXKD của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 của các chức danh Người quản lý Công ty và tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023 của Công ty như sau:

(i) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm

TT	Chức danh	Mức lương (đ) /01 tháng x 20%	Mức thù lao (đ/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT (01 người)	25.700.000 x 20%	5.140.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	21.900.000 x 20%	4.380.000
3	Thành viên BKS (02 người)	20.000.000 x 20%	4.000.000

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty

STT	Chức danh	Số người	Kế hoạch (Tr.đồng/năm)	Ghi chú
1	Giám đốc	1	415	
2	Phó Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát	2	753	
3	Kế toán trưởng	1	336	
	Tổng cộng	3	1.504	

(iii) Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty:

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,680	-
2	Thành viên HĐQT	04	210,240	-

3	Trưởng BKS chuyên trách	01	-	385
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	96,000	-
5	Giám đốc	01	-	415
6	Phó giám đốc	01	-	368
7	Kế toán trưởng	01	-	336
Tổng cộng			367,920	1.504

Phương thức chi trả thù lao và tiền lương

Hàng tháng, tạm chi 80 % mức tiền thù lao tháng theo kế hoạch, số còn lại được quyết toán trên cơ sở kết quả hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Long

Số /BC-CKMK

Mạo Khê, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO
Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/ tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 như sau:

Phần thứ nhất: Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022:

Năm 2022, Ban kiểm soát công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2022 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo kế hoạch.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022; tình hình thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc công ty với TKV.

- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong việc triển khai kế hoạch đầu tư.

- Kiểm tra việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý và đánh giá mức độ hoàn thành.

- Kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán thống kê, theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD.

- Giám sát các đơn vị trong công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của công ty.

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản, kiểm tra việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc với tinh thần trách nhiệm, khách quan về các nội dung của cuộc họp.

- Kiểm tra và thẩm định các Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng quý, năm và các báo cáo có liên quan đảm bảo các số liệu phản ánh được tin cậy.

Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ban Kiểm soát đã thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty để nắm bắt những vấn đề, sự kiện phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty. Từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.

Phần thứ 2: Kết quả Giám sát:

1. Thực trạng tài chính, thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp), tình hình sử dụng lao động.

1.1. Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện		So sánh (%)	
				Năm trước	Năm nay	Năm trước	KH năm
A	B	Cái	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Sản phẩm chủ yếu						
I.1	Sửa chữa thiết bị	Tấn	2.493	1.247	1.396	111,9	56,0
1	Máy xúc đá,	Cái	2	3	1	33,3	50,0
2	Tàu điện	Cái	8	8	5	62,5	62,5
3	Toa xe 30 tấn	Cái	26	43	34	79,1	130,8
4	Sàng các loại	Cái	10	1	4	400,0	40,0
5	Giàn mềm GM	Bộ	50	200	50	25,0	100,0
6	Giàn chống thủy lực	Bộ	360		50		13,9
7	Máng cào các loại	Bộ	60		12		20,0
8	Cấp liệu lắc + rung	Cái			2		
9	Thiết bị khác	Cái	25	27	44	163,0	176,0
I.2	Chế tạo thiết bị	Tấn	1.220	846	1.868	220,8	153,2
1	Máng cào các loại	Bộ	27	7	28	400,0	103,7
2	Xe goòng các loại	Cái	240	207	554	267,6	230,8
3	Ghi đường sắt các loại	Bộ	100	84	64	76,2	64,0
4	Băng tải các loại	Bộ	2		1		50,0
5	Sàng + thiết bị tuyển	Cái	15	14	27	192,9	180,0
6	Cấp liệu lắc	Cái	3	1	2	200,0	66,7
7	Giàn mềm GM + CK	Bộ	180	90	290	322,2	161,1
I.3	Chế tạo phụ tùng	Tấn	2.542	2.392	2.003	83,7	78,8
1	Xích máng cào các loại	m kép	35.500	61.210	56.868	92,9	160,2
2	Cầu máng cào các loại	Cầu	3.900	5.538	4.885	88,2	125,3
3	Hàng cơ khí khác	Tấn	625	990	662	66,9	105,9

II	Doanh thu	Tr.đ	190.000	189.393	199.181	105,2	104,8
-	Doanh thu sản xuất cơ khí	""	190.000	183.613	198.501	108,1	104,5
-	Doanh thu KHCN	""		5.705			
-	Doanh thu HĐ tài chính	""		4	15	356,8	
-	Thu nhập khác	Tr.đ		71	664	935,2	
III	Giá trị sản xuất	Tr.đ	186.200	178.313	180.276	101,1	96,8
IV	Tổng CPSX trong kỳ	Tr.đ	189.089	178.959	191.427	107,0	101,2
IV.1	Chi phí trung gian	Tr.đ	153.827	143.131	157.078	109,7	102,1
IV.2	Giá trị gia tăng	Tr.đ	35.262	35.828	34.349	95,9	97,4
1	Tiền lương	Tr.đ	27.033	26.794	26.336	98,3	97,4
	Trong đó: Quỹ lương NQL	Tr.đ	1.001	943	1.097	116,3	109,6
2	BHXH, YT, BHTN, KPCĐ	Tr.đ	4.049	4.178	3.795	90,8	93,7
3	Khấu hao tài sản cố định	Tr.đ	4.180	4.594	4.219	91,8	100,9
*	K/c CPDD +huy động TK	Tr.đ	-1.589	8.183	5.203		
V	Lợi nhuận	Tr.đ	2.500	2.251	2.551	113,3	102,0
VI	Lao động, tiền lương						
1	Đơn giá TL		140	139,5	140,0	100,4	100,0
2	Lao động bình quân	Người	268	268	250	93,3	93,3
3	Tiền lương bình quân	Ng.đ	8.416	8.331	8.779	105,4	104,3

Đánh giá chung về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Tổng Doanh thu đạt 104,8% kế hoạch, bằng 105,2% so với năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế:Lãi: 2.551 triệu đồng, bằng 102% kế hoạch.
- Lao động bình quân: 250 người, đạt 93,3% kế hoạch, bằng 93,3% so với năm trước.
- Tiền lương bình quân toàn doanh nghiệp 8.779 ng. đồng/người/tháng; đạt 104,3% kế hoạch, bằng 105,4% so với năm trước.

Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.2. Thực trạng tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2022.

a/ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm:

- Lợi nhuận trước thuế : Lãi: 2.551 triệu đồng, bằng 102% kế hoạch, bằng 113,3% so với năm trước.
- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 7,47 lần, bằng 109,2% kế hoạch , bằng 99,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Hệ số khả năng thanh toán đạt 0,96 lần, bằng 102,5% so với kế hoạch năm, bằng 102,7% so với cùng kỳ năm trước.
- Dự vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2022: 62.126 tr. đồng.

Mức vay ngắn hạn bình quân năm: 67.289 tr. đồng, bằng 112,1 % kế hoạch, bằng 99,8% so với cùng kỳ năm trước.

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:
- + Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 0,79% bằng 84,9% so với năm trước.
- + Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) đạt 0,93% bằng 87,4% so với năm trước.
- + Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 8,73% bằng 89,3% so với năm trước.

b/Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch về lợi nhuận trước thuế.
- Vay ngắn hạn vượt định mức.
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu vượt kế hoạch.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm so với năm trước do không còn được giảm thuế TNDN phải nộp như năm 2021.

1.3. Thực hiện các dự án đầu tư:

Tình hình đầu tư dự án : Theo kế hoạch thực hiện đầu tư xây dựng năm 2022 đã được điều chỉnh. Công ty sẽ thực hiện giá trị theo năm kế hoạch là 4.450 tr.đ cho các công trình dự án dự phòng và khởi công mới.

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2022 của Công ty : Đã thực hiện hoàn thành hạng mục mua sắm Hệ thống lò nung phôi trung tần (bước 1 và bước 2) thuộc dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2021 với tổng giá trị : 1.737,2 tr.đ; Hoàn thành Dự án đầu tư nâng cấp phần mềm quản lý văn bản nội bộ với tổng giá trị 120 tr.đồng.

Tài sản hình thành qua đầu tư đã được đưa vào khai thác sử dụng.

1.4. Tình hình sử dụng lao động.

- **Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:** Tại thời điểm 31/12/2022: Cơ cấu tổ chức Công ty gồm 03 phân xưởng và 05 phòng ban, biên chế lao động cơ bản phù hợp với mô hình mẫu của Tập đoàn.

- Bố trí lao động:

LĐ theo khu vực SX	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Ghi chú
1. Lao động công nghệ	209	189	
2. LĐ phụ trợ, phục vụ	24	27	
3. Lao động quản lý	35	34	
- Người quản lý	3	4	
- LĐ quản lý	32	30	
Tổng cộng	268	250	

- Lao động có mặt đầu năm: 275 người; Tăng: không; Giảm: 25 người.
- Lao động có mặt cuối kỳ: 250 người.
- Lao động bình quân sử dụng trong kỳ 250 người, bằng 93,3% kế hoạch, bằng 93,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Kết quả kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính

2.1. Về công tác kế toán:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp phân bổ chi phí chung: Theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

2.2. Về quản lý tài sản cố định:

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao: Theo đường thẳng.
- Tỷ lệ và mức trích khấu hao nằm trong khung quy định.
- Tình hình biến động của TSCĐ trong năm (theo nguyên giá TSCĐ):

Nội dung	Dư đầu năm	Tăng	Giảm	Dư cuối năm
Tài sản cố định hữu hình	104.306.265.169			106.043.553.312
Nhà cửa, vật kiến trúc	37.475.972.510			37.475.972.510
Máy móc thiết bị	56.611.607.044	1.737.288.143		58.348.895.187
Phương tiện vận tải.	7.339.145.354			7.339.145.354
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.879.540.261			2.879.540.261
Tài sản cố định vô hình	926.688.000			1.046.688.000
Phần mềm quản lý	323.000.000	120.000.000		443.000.000
TSCĐ vô hình khác	603.688.000			603.688.000

2.3. Công tác sửa chữa TSCĐ:

Sửa chữa lớn TSCĐ: Trong kỳ đã thực hiện sửa chữa một số thiết bị phục vụ sản xuất với tổng chi phí 753,2 triệu đồng. Thiết bị sửa chữa đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.4. Quản lý công nợ phải thu, phải trả, vay và thuê tài chính:

*** Các khoản phải thu ngắn hạn:**

Dư đầu năm: 82.910 tr. đồng; Dư cuối kỳ: 91.129 tr. đồng; Tăng 8.219 tr.đồng.

Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng: Dư đầu năm 81.050 tr.đồng, dư cuối năm 89.015 tr.đồng; tăng 7.965 tr.đồng.

Nguyên nhân: Doanh thu ghi nhận tập trung vào tháng 12 nhiều. Trong năm, Công ty luôn tích cực thu hồi nợ để thu xếp vốn cho kinh doanh, tuy nhiên việc xử lý nợ quá hạn chậm, không đạt yêu cầu. Một số khách hàng có số dư Nợ phải thu quá hạn với giá trị lớn, thời gian kéo dài.

Chi tiết như sau:

Số T T	Tên khách hàng	Nợ phải thu đầu năm	Nợ phải thu cuối kỳ	Thời gian nợ quá hạn
1	Công ty CP đầu tư khoáng sản và dịch vụ - Vinacomin	833.451.500		
2	Công ty CP XNK COLIMEX 6	1.756.075.000	856.075.000	Trên 3 năm
3	Công ty CP đầu tư thương mại và xây dựng Hoàng Liên	534.338.719	304.338.719	Trên 3 năm
4	Công ty TNHH 1 thành viên 27	12.313.950	12.313.950	Trên 3 năm
5	Công ty CP đầu tư xây dựng số 4	3.244.133.019	3.244.133.019	Trên 3 năm
	Tổng cộng	6.380.312.188	4.416.860.688	

Khoản phải thu ngắn hạn khác: Dư đầu năm 1.298 tr.đồng, dư cuối năm 1.014 tr.đồng; giảm 284 tr.đồng.

Bao gồm chủ yếu là khoản nợ phải thu của các cá nhân nhằm khắc phục hậu quả do cho Công ty than Nam Mẫu vay 04 bộ Máng cào MC 80 (chiều dài 100m) từ năm 2015 cụ thể:

- Giá vốn của 4 bộ máng cào cho vay: 1.225.070.708 đồng.
- Giá trị các cá nhân phải bồi thường: 1.663.732.704 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 151.248.428 đồng)
- Tại ngày 1/1/2022 số dư đang theo dõi tại chỉ tiêu này là giá gốc vật tư còn phải bồi thường số tiền là: 952.343.435 đồng.
- Số đã thu được trong kỳ: 300.000.000 đồng. Công ty đã ghi nhận giảm giá gốc vật tư phải bồi thường 272.727.273 đồng; thuế GTGT phải nộp 27.272.727 đồng)
- Đến ngày 31/12/2022 giá gốc vật tư còn phải thu là: 679.616.162 đồng.

*** Khoản phải trả:**

Dư đầu năm: 148.048 tr. đồng; Dư cuối kỳ: 145.660 tr. đồng; giảm 2.388 tr. đồng.

*** Vay và thuê tài chính:** Tình hình vay và sử dụng vốn vay:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
1.Vay dài hạn	4.565	445	2.185	2.825
1. Vay ngắn hạn	63.165	169.846	170.882	62.129
-Vay Ngân hàng	50.398	161.473	158.026	54.115
-Vay cá nhân	12.767	8.103	12.886	8.014
Tổng cộng	67.730	170.291	173.067	64.954

Tổng chi phí lãi vay trong kỳ: 5.952,6 tr. đồng.

Trong đó: Lãi vay ngắn hạn: 5.552,9 tr. đồng.

Lãi vay trung hạn 399,7 tr. đồng.

- Sử dụng vốn vay: Đúng mục đích.
- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại: Đảm bảo cho sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục.

2.5. Về công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư:

Tình hình nhập xuất tồn vật tư trong kỳ như sau:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
1. Nguyên vật liệu	18.889	128.142	131.426	15.605
- Nguyên vật liệu chính	17.589	124.704	127.547	14.746
- Nhiên liệu	48	2.618	2.650	15
- Phụ tùng	1.252	820	1.229	843
2. Công cụ dụng cụ	901	2.323	2.356	868

- Công ty đã thực hiện việc mua sắm vật tư, hàng hóa theo Quy chế đã ban hành. Về cơ bản đã tuân thủ theo các quy định như chào hàng cạnh tranh, đấu thầu và các quy định của Pháp luật.

Tồn tại:

- Công tác quản lý, cấp phát: Quy trình quản lý, cấp phát vật tư tại Công ty đã khắc phục được một số tồn tại hạn chế từ kỳ trước. Việc lập, luân chuyển chứng từ, hạch toán kế toán còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Việc cung ứng vật tư cho sản xuất còn chưa được kịp thời, thường xuyên bị chậm dẫn đến việc chậm tiêu thụ sản phẩm, tồn kho lớn phát sinh chi phí ngoài kế hoạch.

- Lượng vật tư mua dùng cho sản xuất thường xuyên dư thừa gây tồn kho lớn, nhiều chủng loại bị ứ đọng, chậm luân chuyển.

- Một số vật tư tồn kho, chậm luân chuyển có dấu hiệu kém, mất phẩm chất không được xem xét xử lý có thể gây tổn thất tài chính.

2.6. Công tác thuê ngoài:

Công ty có thuê ngoài một số dịch vụ đáp ứng yêu cầu của sản xuất (Do không có đủ năng lực thực hiện).

Nội dung công việc thực hiện chủ yếu: thuê ngoài vận chuyển phục vụ giao hàng, sửa chữa phụ tùng toa xe 30 tấn.

2.7. Công tác quản lý sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi.

- Sử dụng quỹ tiền lương:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
Tổng số	4 544	26.336	25.073	5.807
Trong đó: Lương NLĐ	4 236	25.238	24.145	5.330
Lương VCQL	308	1.097	928	477

- Sử dụng quỹ tiền lương, khen thưởng, phúc lợi: Phù hợp với quy chế.

2.8. Công tác quản lý ĐTXD:

2.9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

Dư đầu năm: 31.082 tr.đồng, dư cuối kỳ 25.879,6 tr.đồng, giảm 5.202 tr.đồng.

Công ty đã cố gắng sử dụng vật tư sản phẩm dở dang tồn đọng đưa vào sản xuất và tiêu thụ để giảm tồn kho. Tuy nhiên còn một số bán thành phẩm tồn đọng có dấu hiệu hư hỏng, kém mất phẩm chất chưa được xem xét xử lý.

TT	Tên sản phẩm, công trình	ĐV	SL	Giá trị
SCMO	Sửa chữa tời trục mỏ SJ - 1600 số 1 MK	cái	1	37.063.263
BD280	Bộ khung đầu máng cào MC280/7,5	Bộ	1	79.671.665
BD281	Bộ khung đuôi máng cào MC280/7,5	Bộ	1	14.938.511
BG704	Bích giữa 704 - 122C8	Cái	225	37.960.317
CM624	Cầu máng cào 280/7,5	Cầu	92	80.483.078
CM629	Cầu máng cao trung gian MC 280/7,5	Cầu	2	1.325.805
CM631	Cầu máng cao trung gian MC 280/7,5	Cầu	2	677.294
CM632	Cầu máng cào 630/2x75, L =1,2m	Cầu	65	267.091.762
CN621	Cầu nối đầu MC 280/7,5	Cầu	2	1.899.728
CN627	Cầu MC chuyển tiếp đuôi MC 630/190	Cầu	1	4.699.794
CN628	Cầu MC chuyển tiếp đầu MC 630/190	Cầu	1	4.546.866
DNT	Đầu nối trục bộ làm mát xi	cái	3	98.862.619
GCGH1	Giàn chống cơ giới hóa VIN 16/24K	Bộ	1	196.290.504
GDP621	Gối đỡ phụ máng cào 280/7,5	Cái	1	1.931.846
GDP622	Gối đỡ phụ MC 320/17	Cái	6	13.757.734
GDT01	Gối đỡ trục gỗ - NĐ Đông Triều	Cái	10	3.273.752
GKSP1	Giá kê sản phẩm - Cty TNHH 1TV 27	cái	60	122.520.828
GT.G	Gông thanh gạt MC 280/7,5	Bộ	350	4.795.177
KD626	Khung đầu máng cào 280/7,5	cái	1	3.852.077
KD627	Khung đuôi MC 280/7,5	Cái	1	2.003.990
KN1	Khóa nối xích -Viện NCKK	cái	35	8.923.411
MD3020	Máy nhật đá trên băng	Cái	1	149.595.031
MT3018	Máy trộn than MTT 60/22	cái	1	189.147.604
MT7	Máy tắm	Cái	1	71.145.115
N.DHT	Nhà điều hành Tập đoàn than tại QN	Đồng	1	2.997.840.427
NDHTK	Chi tiết kết cấu thép mái sảnh, mái dốc	Cái	91	496.402.879
PTTT1	Phụ tùng tang tuyến huyền phù tự sinh	Cái	9	15.649.090
RLD320	Ru lô đuôi MC 320/17B	Cái	5	13.195.119
RLD623	Ru lô đuôi MC 280/7,5	Cái	1	1.646.924

SCHP	Sửa chữa tang tuyến HSTS	Cái	1	655.841.257
SCHT1	Sửa chữa HGT quang lật nghiêng	Cái	1	55.658.020
SCX4319	SC xe chở người lò nghiêng XRB 24- 9/10	Toa	3	342.846.483
	Tổng cộng			5.975.537.970

3. Việc chấp hành và thực hiện các quy chế, quy định, quyết định, kỷ luật điều hành của TKV tại Công ty.

3.1. Đối với Hội đồng quản trị: Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật DN và Điều lệ TCHĐ của Công ty, đồng thời thông qua các thành viên HĐQT là người đại diện của TKV, thực hiện theo các quy định của TKV. Đầu năm đã xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm và tổ chức thực hiện các nội dung theo chương trình đề ra. Thực hiện Phân công theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên.

- Duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo nắm bắt tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp đối với những vấn đề quan trọng của Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát Giám đốc tăng cường công tác quản lý, tăng cường việc khắc phục những tồn tại theo kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty.

3.2. Đối với Ban lãnh đạo điều hành: Đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ pháp luật và các quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định của TKV. Thực hiện các công việc quản lý điều hành công ty theo quy định.

Tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

- Một số lĩnh vực quản lý chưa được quản trị chặt chẽ như: Vật tư tồn kho vượt định mức, sản phẩm dở dang, tồn đọng lớn không tiêu thụ được, công nợ phải thu quá hạn lớn, kéo dài, vay vốn lưu động vượt định mức.

- Chưa chú trọng và chủ động khắc phục những kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công việc quản lý công ty chậm.

4. Cảnh báo những rủi ro trong kinh doanh của Công ty

Theo đánh giá của Kiểm soát viên. Tình hình tài chính Công ty vẫn đang trong thời kỳ khó khăn.

Công ty cần lưu ý một số tồn tại, tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận như sau:

- Công ty không trích lập dự phòng theo quy định đối với nợ phải thu khó đòi: Chi tiết như sau

STT	Đơn vị	Tổng NPT quá hạn	Trong đó
			> 3 năm
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 4	3.244.133.019	3.244.133.019
2	Công ty CP Đầu tư TM và XD Hoàng Lĩnh	304.338.719	304.338.719
3	Công ty TNHH Một thành viên 27	12.313.950	12.313.950

4	Công ty CP Xuất nhập khẩu COLIMEX 6	856.075.000	856.075.000
	Tổng cộng	4.416.860.688	4.416.860.688

Tỷ lệ trích lập dự phòng theo quy định 100%

Mức trích lập dự phòng 4.416.860.688

Lợi nhuận trước thuế năm 2022 theo báo cáo: 2.550.773.907 đồng.

Nếu hạch toán đủ khoản trên, Công ty lỗ: 1.866.086.781 đồng.

5. Đề nghị/kiến nghị Công ty:

Tăng cường công tác quản trị công ty trên các lĩnh vực:

1. Công nợ: Tích cực thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản nợ quá hạn dài ngày.

2. Công tác vật tư và Hàng tồn kho:

- Thực hiện việc mua sắm vật tư kịp thời, đảm bảo đủ cho sản xuất, giảm tồn kho.

- Rà soát, đánh giá giá trị thực của những vật tư ứ đọng, sản phẩm dở dang, bán thành phẩm tồn đọng lâu ngày có dấu hiệu kém phẩm chất sử lý theo quy định.

Phần thứ 3: Phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2023:

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, tham gia với HĐQT, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Công ty, bảo toàn vốn cho các cổ đông.

- Tăng cường kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý. Kiểm soát nhằm hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, đặc biệt là các cổ đông đã luôn tin tưởng và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Kính chúc các quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống, luôn dành thật nhiều tâm huyết cho sự phát triển của Công ty./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Người công bố TT;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Quang

Số /BC-CKMK

Mạo Khê, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC - Chi nhánh Quảng Ninh.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra việc ghi chép, hạch toán, phản ánh số liệu trên sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Qua soát xét Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và các sổ sách, chứng từ kế toán. Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy:

- Phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán, kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng lập Báo cáo tài chính năm 2022 đảm bảo đúng chế độ quy định.

- Công tác hạch toán kế toán không có sai sót trọng yếu.

- Sổ sách lưu trữ đầy đủ, đúng chế độ.

- Công tác kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ đầy đủ.

Một số điểm cần lưu ý:

1 - Khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” trên Bảng cân đối kế toán ghi nhận một số khoản nợ quá hạn. Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định; Chi tiết như sau:

STT	Đơn vị	Tổng NPT quá hạn	Trong đó
			> 3 năm
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 4	3.244.133.019	3.244.133.019
2	Công ty CP Đầu tư TM và XD Hoàng Lân	304.338.719	304.338.719
3	Công ty TNHH Một thành viên 27	12.313.950	12.313.950
4	Công ty CP Xuất nhập khẩu COLIMEX 6	856.075.000	856.075.000
	Tổng cộng	4.416.860.688	4.416.860.688

Tỷ lệ trích lập dự phòng

100%

Mức trích lập dự phòng

4.416.860.688

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 theo báo cáo: 2.526.165.439 đồng.
- Nếu hạch toán đủ khoản trên, Công ty lỗ: 1.890.695.249 đồng.

Ngoại trừ yếu tố ảnh hưởng nêu trên, Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 và kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty. (Số liệu Báo cáo tài chính được công bố như Biểu kèm theo)

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Người công bố TT;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Quang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	139.375.960.064	135.825.652.967
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.349.278.898	1.603.407.326
1. Tiền	111	5.349.278.898	1.603.407.326
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	91.129.568.037	82.910.666.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	89.014.927.435	81.050.217.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.100.969.402	562.386.180
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.013.671.200	1.298.062.793
IV. Hàng tồn kho	140	42.353.738.419	50.872.430.703
1. Hàng tồn kho	141	42.353.738.419	50.872.430.703
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	543.374.710	439.148.102
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	475.851.345	300.511.755
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	67.523.365	138.636.347
B. Tài sản dài hạn	200	28.066.889.506	28.062.080.713
II. Tài sản cố định	220	26.737.760.490	26.117.332.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	26.576.527.156	25.803.798.379
- Nguyên giá	222	110.449.708.590	104.306.265.169
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-83.873.181.434	-78.502.466.790
3. Tài sản cố định vô hình	227	161.233.334	313.534.258
- Nguyên giá	228	1.046.688.000	926.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-885.454.666	-613.153.742
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	137.491.634	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	137.491.634	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1.191.637.382	1.944.748.076
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.191.637.382	1.944.748.076
Tổng cộng tài sản	270	167.442.849.570	163.887.733.680
C. Nợ Phải trả	300	145.659.942.305	148.048.570.283
I. Nợ ngắn hạn	310	144.617.181.237	144.769.969.988
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	71.746.038.062	70.784.160.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	35.200.000	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.738.191.518	2.795.144.322
4. Phải trả người lao động	314	5.806.818.796	4.544.397.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	82.600.574	66.956.149
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	588.901.187	691.360.416
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	64.183.934.522	65.267.173.547
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	227.833.455	279.565.429

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	207.663.123	341.211.896
II. Nợ dài hạn	330	1.042.761.068	3.278.600.295
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	770.600.000	2.463.512.563
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	272.161.068	815.087.732
D. Vốn chủ sở hữu	400	21.782.907.265	15.839.163.397
I. Vốn chủ sở hữu	410	19.500.751.939	19.688.048.467
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	14.325.780.000	14.325.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	14.325.780.000	14.325.780.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.609.637.505	3.609.637.505
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.565.334.434	1.752.630.962
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	2.282.155.326	-3.848.885.070
1. Nguồn kinh phí	431	-1.242.768.896	-3.848.885.070
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.524.924.222	
Tổng cộng nguồn vốn	440	167.442.849.570	163.887.733.680

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	198.501.398.525	189.319.041.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	198.501.398.525	189.319.041.815
4. Giá vốn hàng bán	11	172.402.619.832	163.456.250.914
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	26.098.778.693	25.862.790.901
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.234.865	5.185.954
7. Chi phí tài chính	22	5.952.627.557	6.168.556.379
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	5.952.627.557	6.168.556.379
8. Chi phí bán hàng	25	2.500.604.492	2.437.968.324
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.019.053.794	14.948.660.815
10. Lợi nhuận hoạt động KD	30	2.641.727.715	2.312.791.337
11. Thu nhập khác	31	664.047.826	70.509.055
12. Chi phí khác	32	755.001.634	131.628.190
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	-90.953.808	-61.119.135
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.550.773.907	2.251.672.202
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	985.439.473	499.041.240
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1.565.334.434	1.752.630.962
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.093	1.223
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		

Số /TTr-CKMK

Mạo Khê, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê - Vinacomin xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua các tiêu chuẩn và danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập được Bộ tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 (theo Quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Danh sách đề xuất các công ty kiểm toán: Ban Kiểm soát lựa chọn 3 đơn vị sau:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm TP Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt. Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Platium Residences, số 6, Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RMS Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: số 140, Nguyễn Văn Phú, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

3. Ý kiến của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đánh giá đây là các công ty kiểm toán phù hợp với các tiêu thức lựa chọn nêu trên. Vậy Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách trên và giao cho Giám đốc điều hành lựa chọn 1 đơn vị trình HĐQT thông qua và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị được chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Hồng Quang

Số: /NQ- CKMK

Quảng Ninh, ngày tháng 5 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ- VINACOMIN

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày /4/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số /BB-CKMK ngày 12/5/2023 của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, bao gồm:

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../.... phiếu, đại diện cho cổ phần chiếm% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp, với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Chi tiêu	TH năm 2022	KH năm 2023
1	Doanh thu tổng số (triệu đồng)	199.181	195.000
2	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	2.551	2.600
3	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,779	9,338
4	Cổ tức (%)/ vốn Điều lệ	7	≥ 5

Đại hội thống nhất chi trả cổ tức năm 2022 là 7%; dự kiến mức cổ tức của năm 2023 tối thiểu bằng 5 % Vốn điều lệ .

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết định để Công ty tổ chức thực hiện.

1.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị 2023.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

1.3. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

1.4. Báo cáo hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2023.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

1.5. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính kiểm toán của Ban kiểm soát Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

1.6. Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023:

Đại hội thống nhất chọn 03 Công ty kiểm toán độc lập, có mức phí phù hợp với nội dung, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu gồm:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm TP Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt. Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, tòa nhà Platium Residences, số 6, Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RMS Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: số 140, Nguyễn Văn Phú, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Giao cho Giám đốc điều hành lựa chọn trên cơ sở chào hàng cung cấp dịch vụ, báo cáo HĐQT và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị được chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

1.7. Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và việc giám sát hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đại hội thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 7% vốn điều lệ (*trương đương 700 đồng /cổ phần*) và đồng ý trích lập các quỹ năm 2022 với số liệu như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
I	Lợi nhuận trước thuế:	2.550.773.907
1	Trích nộp thuế TNDN	985.439.473
II	Lợi nhuận sau thuế:	1.565.334.434
1	Trả cổ tức: 7% vốn điều lệ	1.002.804.600
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trả cổ tức :	562.529.834
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty (≤ 0 tháng lương thực hiện của Người quản lý năm 2022)	0
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ($\leq 0,26$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2022)	562.529.834
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	562.529.834

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: *.../...* phiếu, đại diện cho *...* cổ phần chiếm *...%* số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông theo qui định của Pháp luật.

Điều 3. Thông qua chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương Người quản lý công ty năm 2022 và mức chi trả năm 2023.

3.1. Chi trả tiền lương, thù lao năm 2022:

Thù lao, tiền lương năm 2022 của thành viên HĐQT, thành viên BKS kiêm nhiệm, chuyên trách, Người quản lý công ty hằng tháng thực hiện đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	271,92		271,92	Kiểm nhiệm
2	Thành viên BKS	2	96,0		96,0	Kiểm nhiệm
3	Trưởng BKS	1	330	330		Chuyên trách
4	Người quản lý(01 GD, 01 PGD, 01 KTT)	3	767	767		GD, PGD kiêm thành viên HĐQT
Tổng số			1.464,92	1.097	367,92	

3.2. Mức thù lao, tiền lương năm 2023

* Mức thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm chức vụ:

TT	Chức danh	Mức lương (đ) /01 tháng x 20%	Mức thù lao (đ/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT (01 người)	25.700.000 x 20%	5.140.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	21.900.000 x 20%	4.380.000
3	Thành viên BKS (02 người)	20.000.000 x 20%	4.000.000

* Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch (Tr.đồng/năm)	Ghi chú
1	Giám đốc	1	415	
2	Phó Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát	2	753	
3	Kế toán trưởng	1	336	
	Tổng cộng	3	1.504	

* Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty:

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,680	-
2	Thành viên HĐQT	04	210,240	-
3	Trưởng BKS chuyên trách	01	-	385
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	96,000	-
5	Giám đốc	01	-	415
6	Phó giám đốc	01	-	368
7	Kế toán trưởng	01	-	336
	Tổng cộng		367,920	1.504

* Phương thức chi trả thù lao và tiền lương

Hàng quý, tạm chi 80 % mức tiền thù lao, tiền lương tháng theo kế hoạch, số còn lại được quyết toán trên cơ sở kết quả hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán

bộ quản lý Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: .../... phiếu, đại diện cho ... cổ phần chiếm ...% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 4. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tổ chức ngày **12/5/2023** biểu quyết thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tới Đại hội đồng cổ đông tại Phiên họp thường niên năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (234, Lương Thế Vinh, Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN) (b/c);
- Sở GD&ĐT HN(số 2, Phan Chu Trinh, HN) (b/c);
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKSC Công ty;
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCBC Công ty;
- Các phó Giám đốc, KTTT Công ty;
- Phòng TCHC đăng trên Website của Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty, hồ sơ đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Trọng Tốt

Mạo Khê, ngày tháng 5 năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Họ và tên:

Mã Đại biểu:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện:

Nội dung biểu quyết:

1. Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

3. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

4. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

5. Báo cáo chi trả thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS, của người quản lý công ty năm 2022, đề xuất tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS, người quản lý công ty năm 2023.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

6. Báo cáo hợp đồng giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp và người có liên quan năm 2023.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

7. Báo cáo của BKS về thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

8. Báo cáo của BKS và giám sát hoạt động quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành năm 2022.

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

9. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty năm 2023

Tán thành

Không tán thành

Không có ý kiến

Chữ ký của cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)